TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 623/2022/DS-PT
Ngày: 28/9/2022
V/v: Tranh chấp thợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà Trần Thị Thủy

Các Thẩm phán:

1/ Bà Phan Thị Hằng

2/ Bà Phạm Thị Thảo

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Vân - Kiểm Sát viên.

Trong các ngày 21 và ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành Phố H đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 226/2022/DS-PT ngày 22 tháng7 năm 2022 về việc *"*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 203/2022/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4379/2022/QĐ-PT ngày 08 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11596/2022/QĐ-HPT ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố H, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trần Phú S**, sinh năm 1965. Địa chỉ: Số 85, đường Nguyễn An Kh, Phường B, Quận N, Thành phố H (có mặt).

Bị đơn: Ông **Hoàng Đình Nguyên B**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số 856, đường Tạ Quang B, Phường N, Quận T, Thành phố H (chung cư Hoàng A - Giai V, Lô A1.2 tầng A11.04). Địa chỉ liên lạc: Số 154, đường Thăng L, phường T, thành phố B, tỉnh Đ (có mặt).

Người bảo vệ quyền lợi, nghĩa vụ của bị đơn: Ông Trần Việt C - Luật sư - Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Lâm Lan Ph**, sinh năm 1969.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ph: Ông Trần Phú S, sinh năm 1965. Cùng địa chỉ: Số 85, đường Nguyễn An Kh, Phường B, Quận N, Thành phố H (theo giấy ủy quyền số công chứng 008560, quyển số 04/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/9/2019 tại Văn phòng Công chứng L) (có mặt).

Người làm chứng: Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1976. Địa chỉ: Số F1/68, ấp 6, xã Hưng Long, huyện C, Thành phố H (vắng mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn ông Hoàng Đình Nguyên B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Vào ngày 12/7/2018, ông S có ký hợp đồng chi tiết với ông Hoàng Đình Nguyên B, theo hợp đồng ông B nhận làm dịch vụ hồ sơ dự án trồng lan tại thửa đất số 501, tờ bản đồ 27 tọa lạc tại xã L, huyện C, Thành phố H. Các hạng mục xin giấy phép cụ thể gồm nhà tôn, công trình phụ, kho, nhà ở 120m^2, hàng rào, hồ nước. Chi phí của hợp đồng là 320.000.000 đồng, thanh toán theo từng đợt. Ông S đã thanh toán cho ông B số tiền là 250.000.000 đồng, cụ thể như sau: Ngày 17/07/2019: 50.000.000 đồng, ngày 03/8/2019: 100.000.000 đồng, ngày 27/3/2019: 100.000.000 đồng. Ông B cam kết nếu không làm được sẽ trả lại toàn bộ số tiền đã nhận của ông S. Ông B không thực hiện được việc xin giấy phép các hạng mục công trình xây dựng cho ông S như thỏa thuận. Nay ông S yêu cầu hủy hợp đồng chi tiết ngày 12/7/2018 giữa ông S và ông B về việc làm hồ sơ dự án trồng lan tại thửa đất số 501, tờ bản đồ 27 tọa lạc tại xã L, huyện C, Thành phố H, buộc ông B phải trả lại cho ông S số tiền đã nhận 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng), trả một lần ngay khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn trình bày: Năm 2018 ông và ông Trần Phú S có ký hợp đồng chi tiết làm hồ sơ các thủ tục dự án trồng lan tại thửa đất số 501, tờ bản đồ số 27, ấp 7, xã L, huyện C, Thành phố H với số tiền là 320.000.000 đồng. Trong đó bao gồm tiền công viết dự án trồng lan, kỹ thuật hướng dẫn trồng lan, xin Ủy ban nhân dân xã L, Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố H san lấp mặt bằng, xây hàng rào, nhà tôn. Trong quá trình thực hiện ông B đã viết dự án, xin chủ trương của xã L, huyện C, Thành phố H đã được chấp thuận cho làm các hạng mục như trên cho ông Trần Phú S. Các hạng mục xây dựng đã hoàn thiện trước tháng 5 năm 2019 có sự xác nhận của ông Trần Phú S và người làm chứng. Ông Hoàng Đình Nguyên B nhận của ông Trần Phú S số tiền là 250.000.000 đồng. Nay ông B không đồng ý hoàn trả lại cho ông S số tiền 250.000.000 đồng vì đã thực hiện đúng như hợp đồng chi tiết đã ký.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Bà Ph thống nhất như lời trình bày của ông Trần Phú S.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn D trình bày: Tháng 12 năm 2018, ông có nhận thi công cho ông S các hạng mục san lấp mặt bằng, hàng rào, phòng bảo vệ, giếng nước, nhà vệ sinh, 1 căn nhà 120 m^2, xây 6 luống trồng lan trải lưới phía trên,

hệ thống tưới nước tự động tại xã L, huyện C, Thành phố H. Toàn bộ các hạng mục trên đã thi công xong.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 203/2022/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận T đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Phú S.

1.1. Hủy hợp đồng chi tiết ngày 12/7/2018 giữa ông S và ông B về việc làm hồ sơ dự án trồng lan tại thửa 501, tờ bản đồ 27 tọa lạc tại xã L, huyện C, Thành phố H.

1.2. Ông Hoàng Đình Nguyên B có trách nhiệm trả lại cho Trần Phú S và bà Lâm Lan Ph số tiền 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022, nguyên đơn ông Hoàng Đình Nguyên B có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 203/2022/DS-ST ngày 25/5/2022 do không đồng ý với toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, cấp sơ thẩm chưa đánh giá một cách toàn diện khách quan các chứng cứ liên quan, Tòa sơ thẩm nhận định chủ quan chưa thỏa đáng gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, nên yêu cầu Tòa phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị hủy án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn ông Hoàng Đình Nguyên B vẫn giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Tòa phúc thẩm sửa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Trong Hợp đồng chi tiết ký ngày 12/7/2018 giữa hai bên có thỏa thuận về việc "*Ông B nhận làm hồ sơ dự án trồng Lan .....:(Bao gồm các hạng mục nhà tôn, các công trình phụ, kho, nhà ở 120m^2, hàng rào hồ nước).*

Xét thấy, phần nội dung này vô hiệu do lỗi của cả hai bên vì đất của ông S chưa chuyển mục đích sử dụng sang đất nhà ở nên không thể xin phép xây dựng nhà ở được. Vì vậy, đề nghị hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hủy phần nội dung thỏa thuận "(*Bao gồm các hạng mục nhà tôn, các công trình phụ, kho, nhà ở 120m^2, hàng rào hồ nước)".*

Buộc ông B phải hoàn trả lại cho ông S 125.000.000 đồng. Và sửa lại phần án phí cho phù hợp theo nội dung sửa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Đình Nguyên B còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên kháng cáo là hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2]. Xét, nội dung kháng cáo của ông Hoàng Đình Nguyên Bvới lý do Bản án sơ thẩm không xem xét đánh giá chứng cứ khách quan toàn diện vụ án, khi chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không đảm bảo quyền và lợi ích của ông B, nên đề nghị Tòa cấp phúc thẩm xử sửa bản án sơ thẩm nêu trên theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.3]. Xét tại mục [4] và [5] trong phần nhận định của bản án sơ thẩm, Tòa cấp sơ thẩm cũng đã nhận định: "*…Theo hợp thì ông B đã hoàn thành một số phần đúng quy định của pháp luật như viết dự án trồng lan, xin chủ trương của xã L, huyện C và ngân hàng đã duyệt cho khoản vay nên có thể xem đây là phần đã thực hiện xong hợp đồng nên ghi nhận công sức của ông B theo quy định tại Điều 519, Điều 520 của Bộ luật Dân sự năm 2015". Nhưng lại cho rằng ông B không đưa ra được chứng cứ chứng minh các khoản chi phí hợp lý nên ông B phải trả lại toàn bộ số tiền 250.000.00 đồng cho ông S…".* Thấy, Tòa cấp sơ thẩm nhận định cho rằng ông B đã thực hiện các hạng mục dự án trồng Lan cho ông Nguyễn Phú Sanh và đã hoàn thành các hạng mục xây dựng xong trước tháng 5/2019 nhưng cho rằng việc xây dựng các hạng mục này chưa được cấp phép xây dựng, thể hiện tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 404/QĐ-XPVPHC ngày 15/8/2019 buộc ông S phải tháo dỡ công trình, khôi phục lại tình trạng ban đầu là do lỗi của ông B để từ đó chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông S, hủy hợp đồng chi tiết ngày 12/7/2018 và buộc ông B phải trả lại ông S toàn bộ số tiền đã nhận 250.000.000 đồng là không đúng, không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông B bởi các lý do sau:

Thứ nhất: Căn cứ vào Hợp đồng chi tiết ký ngày 12/7/2018 (Bút lục số 46) giữa ông B và ông S có nội dung:

"*Ông B nhận làm hồ sơ dự án trồng Lan trên thửa đất số 501, tờ bản đồ số 27, xã L, huyện C với tổng số tiền là 320.000.000 đồng theo từng thời điểm nhận tiền như sau:(Bao gồm các hạng mục nhà tôn, các công trình phụ, kho, nhà ở 120m^2, hàng rào hồ nước).*

Đợt 1: Ứng trước 25.000.000 đồng để làm thủ tục giấy tờ

Đợt 2: Sau khi đã có giấy xác nhận và đóng dấu của Ủy ban nhân dân xã L thì thanh toán tiếp 125.000.000đồng.

Đợt 3: sau khi có quyết định của Ủy ban nhân dân huyện C thì thanh toán lần cuối 170.000.000 đồng.

Các bên thể hiện nếu hồ sơ không làm được thì ông B sẽ hoàn lại các khoản tiền đã nhận và trong quá trình thi công, bên nhận hồ sơ sẽ hỗ trợ bên xây dựng những hạng mục như đã nêu trên".

Xét thấy, quá trình thực hiện hợp đồng, ngay sau khi ký hợp đồng ngày 12/7/2018 ông S đã giao cho ông B 50.000.000 đồng. Sau đó ông B đã lập phương án trồng lan và hỗ trợ vay vốn cho ông S ký và đã được Ủy ban nhân xã chấp thuận. Ngày 21/01/2019 Ngân hàng ra thông báo số 12-2019/NHNoNTPHCM/PGDBBC đã cho ông S vay 300.000.000 đồng để thực hiện dự án trồng hoa Lan. Như vậy, đến thời điểm này ông B đã hoàn thành một phần công việc như thỏa thuận nên sau đó ngày 03/8/2018 ông S đã giao cho ông B 100.000.000 đồng. Ngày 25/3/2019, Ủy ban nhân huyện C đã ra Quyết định số 2689/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án đầu tư vay vốn theo chính sách khuyến khích, chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp đô thị trên địa bàn huyện C giai đoạn 2019-2020 đối với dự án trồng lan của ông S với tổng diện tích 1.500m^2 đất (thửa đất số 501, tờ bản đồ số 27 (BĐĐC) bộ địa chính xã L với tổng số vốn đầu tư 516.000.000 đồng. Như vậy, ông B đã hoàn thành hồ sơ dự án trồng lan theo thỏa thuận trong hợp đồng, sau đó ngày 27/3/2019 ông S đã thanh toán tiếp cho ông B 100.000.000 đồng. Căn cứ vào Điều 517 Bộ luật Dân sự năm 2015, cho đến thời điểm này ông B đã thực hiện nghĩa vụ của bên cung ứng dịch vụ đó là ông B đã hoàn thành xong việc làm hồ sơ thủ tục dự án trồng lan đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt cho phép và đã được cấp vốn để triển khai dự án trồng Lan. Nhận thấy, số tiền mà ông S thanh toán cho ông B cũng đã tương ứng với những phần công việc mà ông B đã thực hiện. Xét thấy, việc cấp sơ thẩm buộc ông B phải cung cấp các chứng cứ chứng minh cho các chi phí mà ông B bỏ ra trong quá trình thực hiện trong trường hợp này là không đúng, vì bản chất của hợp đồng này là hợp đồng dịch vụ theo hình thức khoán việc theo đó bên cung ứng dịch vụ thực hiện công việc cho bên sử dụng dịch vụ và bên sử dụng dịch vụ phải trả tiền cho bên cung ứng dịch vụ theo sự thỏa thuận của các bên đã được quy định rất rõ trong Điều 513 Bộ luật Dân sự. Việc Tòa cấp sơ thẩm hủy toàn bộ hợp đồng trong đó có phần nội dung này là không đúng.

Thứ hai: Tại Hợp đồng chi tiết ngày 12/7/2018 có phần thỏa thuận giữa các bên ông B nhận làm hồ sơ dự án trồng Lan trên thửa đất số 501…, như sau:*(Bao gồm các hạng mục nhà tôn, các công trình phụ, kho, nhà ở 120m^{2,} hàng rào, hồ nước).*

Xét thấy, cấp sơ thẩm chưa xem xét đánh giá các chứng cứ khác như: căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN:CH 01411do Ủy ban nhân huyện C cấp ngày 11/8/2011 cập nhất biến động sang tên ông S ngày 23/3/2018 (Bút lục số 44) thì phần diện tích đất được công nhận là 1.500m^2 thuộc thửa số 501, tờ bản đồ số 27 xã L, huyện C là đất trồng cây lâu năm. Tại thời điểm hai bên ký hợp đồng chi tiết ngày 12/7/2018 ông S vẫn chưa chuyển mục đích sử dụng sang đất nhà ở nên việc hai bên thỏa thuận ông B làm hồ sơ xin phép xây dựng nhà ở 120m^2 đất là việc không thể thực hiện được vì căn cứ vào Điều 408 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì phần nội dung thỏa thuận này giữa ông B và ông S bị vô hiệu ngay từ khi ký kết do có đối tượng không thể thực hiện được.

Thứ ba: Tại Hợp đồng xây dựng chi tiết ngày 11/12/2018 (Bút lục số 83) mà ông S đã ký với ông Nguyễn Văn D có nội dung Bên A (ông Dũng) sẽ nhận làm hồ sơ và cất một căn nhà tôn diện tích 120m^2 (6x20m) tại địa chỉ ấp 7, xã L, huyện C, Thành phố H cho bên B (ông S) các hạng mục cụ thể, san lấp, rào, nhà xưởng, móng nhà, nền xưởng, giếng và điện, khuôn lan, ụ lan với thời gian thi công là 60 ngày.

Thấy tại thời điểm ký hợp đồng này đã thể hiện chính ông S đã có sự thay đổi là để cho bên thầu xây dựng là ông Dũng nhận làm hồ sơ xây dựng nhà và các công trình nêu trên.

Căn cứ vào bản chi phí sản xuất trồng hoa Lan (Bút lục số 86) do ông B lập phương án cho ông S ký tại điểm 1, mục III thể hiện các hạng mục đầu tư cố định trên diện tích đất 1.500m^2 không thể hiện việc xây nhà ở 120m^2 và căn cứ vào Đơn đăng ký hỗ trợ lãi vay của ông S được Ủy ban nhân dân xã L chấp thuận phương án vay vốn đầu tư ngày 26/01/2019, Thông báo số 12-2019/NHNoNTPHCM-PGDBBC của Ngân hàng ngày 21/01/2019 và Quyết định số 2689/QĐ-UBND ngày 25/3/2019 của Ủy ban nhân huyện C đã chứng minh lỗi dẫn đến việc bị Ủy ban nhân dân xã L ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu hoàn toàn thuộc về ông S, vì như đã phân tích nêu trên ngoài việc các bên thỏa thuận đối tượng không thể thực hiện được vì đất chưa chuyển mục đích sử dụng thì ông S còn có lỗi là ký hợp đồng và cho thi công san lấp xây dựng nhà xưởng khi dự án trồng lan chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn đề nghị sửa án sơ thẩm là có căn cứ.

Xét nội dung Viện kiểm sát đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần khởi kiện của nguyên đơn, tuyên vô hiệu một phần nội dung của hợp đồng chi tiết ký ngày 12/7/2018 như đã nêu trên là có căn cứ chấp nhận. Đối với nội dung đề nghị buộc ông B phải trả lại cho ông S 125.000.000 đồng là chưa chính xác, vì như đã phân tích nêu trên thì số tiền ông B đã nhận từ ông S đều tương ứng

với phần công việc dịch vụ mà ông B đã hoàn thành theo thỏa thuận trong hợp đồng chi tiết ký ngày 12/7/2018.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Đình Nguyên B sửa án sơ thẩm theo hướng;:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuyên vô hiệu một phần hợp đồng chi tiết ký ngày 12/7/2018 giữa ông Hoàng Đình Nguyên B và ông Trần Phú S đối với phần nội dung ông B nhận làm hồ sơ "*Bao gồm các hạng mục nhà tôn, các công trình phụ, kho, nhà ở 120m^2*"

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Phú S về việc buộc ông Hoàng Đình Nguyên B phải trả lại cho ông S số tiền đã nhận là 250,000.000 đồng.

[2.4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Phú S phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với tiền yêu cầu trả lại không được chấp nhận là 12.500.000.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.250.000 theo Biên lai thu số 0012192 ngày 19/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận T, Thành phố H. Như vậy ông S còn phải nộp 6.250.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[3]. Án phí dân sự phúc thẩm:

Do sửa án sơ thẩm nên ông B không phải chịu án phí phúc thẩm.

Hoàn lại ông B số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số AA/2021/0017038 ngày 01/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Quận T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 38, Điều 148, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 298, Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 408, Điều 517 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Đình Nguyên B.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 203/2022/DS-ST ngày 25 tháng 05 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố H.

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Phú S.

Tuyên vô hiệu một phần Hợp đồng chi tiết ký ngày 12/7/2018 giữa ông Hoàng Đình Nguyên B và ông Trần Phú S đối với phần nội dung ông B nhận làm hồ sơ. "*Bao gồm các hạng mục nhà tôn, các công trình phụ, kho, nhà ở 120m^{2}*"

2.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Phú S về việc buộc ông Hoàng Đình Nguyên B phải trả lại cho ông S số tiền đã nhận là 250,000.000 đồng.

2.3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Phú S phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với tiền yêu cầu trả lại không được chấp nhận là 12.500.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.250.000 đồng theo biên lai thu số 0012192 ngày 19/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận T, thành phố H. Như vậy ông S còn phải nộp 6.250.000 (sáu triệu, hai trăm, năm mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn lại ông B số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số AA/2021/0017038 ngày 01/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Quận T.

4. Trường hợp bản án, quyết định thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại TP. H;
- VKSND Cấp cao tại TP. H;
- Tòa án nhân dân TP. H
- VKSND TP. H;
- TAND Quận T;
- Chi cục THADS Quận T;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thủy